

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST.

Ngày: 23-11-2018.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phước Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Văn Lâm.

Ông Lý Thanh Phong.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Kim Yến là Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLST-KDTM ngày 15 tháng 8 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐXXST-KDTM, ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2018/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Quỹ tín dụng nhân dân H.

Địa chỉ: ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***Người đại diện theo pháp luật:*** Ông Châu Ngọc N (Chủ tịch Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng nhân dân H); cư trú tại ấp T, xã L, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Ông Trần Văn L; cư trú tại ấp N, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, văn bản ủy quyền số 04/UQ2018 ngày 27/8/2018 (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Dương Văn P (vắng mặt);
2. Bà Mai Thị X (vắng mặt).

Cùng cư trú tại ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện lập ngày 07 tháng 6 năm 2018 của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện của nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày:*

Theo hợp đồng vay vốn ngắn hạn số 977/17 ngày 12 tháng 5 năm 2017, ông Dương Văn P có vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân H (sau đây gọi tắt là Quỹ tín dụng) với số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 186 ngày, lãi suất 1,85% tháng (22,2%/năm), ngày giải ngân là ngày 12/5/2017, ngày đến hạn 14/11/2017, mục đích vay mua bán nhỏ, hình thức vay trả góp ngày, không có tài sản bảo đảm, người thừa kế hợp đồng bà Mai Thị X là vợ ông Dương Văn P. Theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng vay vốn ngày 12/5/2017 thì bên vay phải trả cho Quỹ tín dụng tổng cộng số tiền gồm lãi và gốc là: 22.294.000 đồng, với hình thức trả góp mỗi ngày là 120.000 đồng trong 185 ngày đầu, ngày cuối trả 94.000 đồng. Tính đến ngày 14/8/2017, ông P chỉ trả được 94 ngày (120.000 đồng x 94 ngày = 11.280.000 đồng). Như vậy, ông P còn nợ lại Quỹ tín dụng số tiền 11.014.000 đồng (trong đó số tiền gốc 9.876.200 đồng và số tiền lãi 1.137.800 đồng), số tiền vay của ông đã chuyển nợ quá hạn.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn P và bà Mai Thị X trả số tiền vay còn nợ 11.014.000 đồng (trong đó số tiền gốc 9.876.200 đồng và số tiền lãi 1.137.800 đồng), không yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán từ ngày 15/11/2017 đến nay.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 295/TB-TLVA ngày 15 tháng 8 năm 2018, tổng đạt hợp lệ cho các bị đơn ông Dương Văn P và bà Mai Thị X, nhưng ông P, bà X không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với ông P, bà X để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông P, bà X đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng các bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, Quỹ tín dụng nhân dân H căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 977/17 lập ngày 12/5/2017 giữa bên cho vay là Quỹ tín dụng nhân dân H với bên vay vốn là ông Dương Văn P và người thừa kế là bà Mai Thị X, cùng địa chỉ ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ theo Điều 10 của Hợp đồng tín dụng nêu trên thì “Trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng, hai bên sẽ đưa tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền nơi có trụ sở của bên A (Quỹ tín dụng nhân dân H). Quỹ tín dụng nhân dân H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng buộc ông Dương Văn P và bà Mai Thị X phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền vay vốn gốc và lãi suất theo quy định của hợp đồng. Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho Quỹ tín dụng nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Quỹ tín dụng đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân H là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 12/5/2017, Quỹ tín dụng nhân dân H ký hợp đồng tín dụng với bên vay vốn là ông Dương Văn P và người thừa kế là bà Mai Thị X, mục đích vay là mua bán nhỏ. Xét thấy, đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” trong vụ án kinh doanh, thương mại.

[1.3] Đối với các bị đơn ông Dương Văn P và bà Mai Thị X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét

xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn ông Dương Văn P và bà Mai Thị X.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H yêu cầu các bị đơn ông Dương Văn P và bà Mai Thị X phải trả số tiền vay còn nợ 11.014.000 đồng (trong đó số tiền gốc 9.876.200 đồng và số tiền lãi 1.137.800 đồng).

[4] Xét yêu cầu của Quỹ tín dụng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào ngày 12/5/2017, ông Dương Văn P có ký hợp đồng tín dụng số 977/17, vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân H với số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 186 ngày, lãi suất 1,85% tháng (22,2%/năm), ngày giải ngân là ngày 12/5/2017, ngày đến hạn 14/11/2017, mục đích vay mua bán nhỏ, hình thức vay trả góp ngày, không có tài sản bảo đảm, người thừa kế hợp đồng bà Mai Thị X là vợ ông Dương Văn P. Theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng vay vốn ngày 12/5/2017 thì bên vay phải trả cho Quỹ tín dụng tổng cộng số tiền gồm lãi và gốc là: 22.294.000 đồng, với hình thức trả góp mỗi ngày là 120.000 đồng trong 185 ngày đầu, ngày cuối trả 94.000 đồng. Tính đến ngày 14/8/2017, ông P chỉ trả được 94 ngày (120.000 đồng x 94 ngày = 11.280.000 đồng). Như vậy, ông P còn nợ lại Quỹ tín dụng số tiền 11.014.000 đồng (trong đó số tiền gốc 9.876.200 đồng và số tiền lãi 1.137.800 đồng).

[5] Xét lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ và phù hợp với hợp đồng tín dụng số 977/17 ngày 12 tháng 5 năm 2017 giữa Quỹ tín dụng với ông Dương Văn P và bà Mai Thị X, phù hợp với giấy nhận nợ ngày 12/5/2017 thể hiện ông Dương Văn P đã nhận đủ số tiền vay 20.000.000 đồng và phù hợp với Phụ lục hợp đồng về theo dõi trả nợ của ông P, bà X với Quỹ tín dụng.

[6] Như vậy, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử khẳng định: Vào ngày 12/5/2017, ông Dương Văn P có ký hợp đồng tín dụng số 977/17, vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân H với số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay 186 ngày, lãi suất 1,85% tháng (22,2%/năm), ngày giải ngân là ngày 12/5/2017, ngày đến hạn 14/11/2017, mục đích vay mua bán nhỏ, hình thức vay trả góp ngày, không có tài sản bảo đảm, người thừa kế hợp đồng bà Mai Thị X là vợ ông Dương Văn P. Thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 14/8/2017, ông P, bà X đã trả cho Quỹ tín dụng được số tiền 11.280.000 đồng (120.000 đồng x 94 ngày). Ông P, bà X còn nợ lại Quỹ tín dụng số tiền 11.014.000 đồng (trong đó số tiền gốc 9.876.200 đồng và số tiền lãi 1.137.800 đồng)

[7] Theo khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật” và theo khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ

tiền khi đến hạn”. Đồng thời, trong hợp đồng tín dụng nêu trên cũng đã thỏa thuận bên vay là ông P và bà X có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông P, bà X đã không trả nợ gốc và lãi tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng. Vì vậy, Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu ông P và bà X trả tiền vốn gốc và lãi nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

[8] Từ những nhận định trên, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc các bị đơn ông Dương Văn P và bà Mai Thị X có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền như sau: Số tiền vốn gốc 9.876.200 đồng và số tiền lãi 1.137.800 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 11.014.000 đồng.

[9] Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Quỹ tín dụng nhân dân H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông P và bà X còn phải trả lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân H theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn ông Dương Văn P và bà Mai Thị X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch trong vụ án kinh doanh, thương mại là 3.000.000 đồng.

[12] Nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 357, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự;
- Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H.

2. Xử buộc các bị đơn ông Dương Văn P và bà Mai Thị X phải trả cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền vay vốn gốc còn nợ 9.876.200 đồng và số tiền lãi 1.137.800 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi là 11.014.000 đồng (mười một triệu không trăm mười bốn nghìn đồng).

3. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày Quỹ tín dụng nhân dân H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông P và bà X còn phải trả lãi cho Quỹ tín dụng nhân dân H theo mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền chậm thi hành án.

4. Về án phí:

4.1. Các bị đơn ông Dương Văn P và bà Mai Thị X phải chịu 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch trong vụ án kinh doanh, thương mại.

4.2. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0003465 ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Đặng Phước Tuấn**